

Bản án số: 49 /2023/HS.ST
Ngày 28/11/2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỘI AN, TỈNH QUẢNG NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hùng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1) Ông Võ Nễ

2) Ông Lê Viết Phúc.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tuấn - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân thành phố Hội An, tỉnh Quảng Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hội An, tỉnh Quảng Nam tham gia phiên tòa: Bà Võ Thị Ngọc Bích - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 11 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Quảng Nam, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 50/2023/TLST-HS ngày 25 tháng 10 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 49/2023/QĐXXST-HS ngày 15 tháng 11 năm 2023, đối với:

- Bị cáo: Hồ Thị Thu H, sinh ngày 10/9/1979; tại Quảng Nam.

Nơi cư trú: tổ 8, thôn T, xã B, huyện T, tỉnh Quảng Nam.

Nghề nghiệp: Lao động phổ thông. Trình độ học vấn: 7/12. Dân tộc: Kinh. Giới tính: Nữ. Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không.

Cha: Hồ X1 và Mẹ: Hồ Thị H1, bị cáo là con thứ hai trong gia đình có 04 anh em. Họ và tên chồng: Dương Văn T1, có 05 con, lớn nhất sinh năm 2001, nhỏ nhất sinh năm 2019.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “*Cấm đi khỏi nơi cư trú*”. Có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại: Bà Lê Thị X, sinh năm: 1975

Nơi cư trú: 63 T, khối X, phường T, thành phố H, tỉnh Quảng Nam. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1) Bà Phạm Thị L, sinh năm: 1942

Nơi cư trú: 63 T, khối X, phường T, thành phố H, tỉnh Quảng Nam. Vắng mặt

2) Ông Nguyễn Văn V1, sinh năm: 1976

Nơi cư trú: 02 T, thị trấn H, huyện T, tỉnh Quảng Nam. Vắng mặt.

3) Ông Hồ Viết N1, sinh năm: 1972

Nơi cư trú: tổ 15, thôn P, xã B, huyện T, tỉnh Quảng Nam. Vắng mặt.

4) Bà Dương Thị Thu V1, sinh năm: 1972

Nơi cư trú: xã B, huyện T, tỉnh Quảng Nam. Vắng mặt.

5) Bà Nguyễn Thị T1, sinh năm: 1956

Nơi cư trú: thôn H, xã B, huyện T, tỉnh Quảng Nam. Vắng mặt.

6) Bà Trần Thị V2, sinh năm: 1960

Nơi cư trú: thôn H, xã B, huyện T, tỉnh Quảng Nam. Vắng mặt.

7) Bà Hồ Thị L1, sinh năm: 1972

Nơi cư trú: tổ 9, thôn V, xã B, huyện T, tỉnh Quảng Nam. Vắng mặt.

8) Bà Dương Thị T2, sinh năm: 1979

Nơi cư trú: xã B, huyện T, tỉnh Quảng Nam. Vắng mặt.

9) Bà Phan Thị Kim N2, sinh năm: 1984

Nơi cư trú: thôn T, xã B, huyện T, tỉnh Quảng Nam. Vắng mặt.

10) Ông Huỳnh Quang H2, sinh năm: 1982

Nơi cư trú: tổ 20, thôn P, xã B, huyện T, tỉnh Quảng Nam. Vắng mặt.

11) Ông Dương Văn T3, sinh năm: 1975

Nơi cư trú: tổ 8, thôn T, xã B, huyện T, tỉnh Quảng Nam. Có mặt.

12) Bà Cao Thị L2, sinh năm: 1981

Nơi cư trú: xã B, huyện T, tỉnh Quảng Nam. Vắng mặt.

13) Công ty BVNT - Quảng Nam.

Người đại diện theo pháp luật: ông Đỗ Hoàng Anh

Địa chỉ: Quốc lộ 1A, đường P, phường H, thành phố T, tỉnh Quảng Nam.

Có đơn xin xét xử vắng mặt.

14) Ngân hàng NN – Chi nhánh T, tỉnh Quảng Nam.

Người đại diện theo uỷ quyền: ông Phạm Đức Dũng.

Địa chỉ: thôn P, xã B, huyện T, tỉnh Quảng Nam. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 07/3/2023, qua theo dõi hình ảnh ghi lại trong Camera tại nhà, bà Lê Thị X phát hiện Hồ Thị Thu H (là người giúp việc của nhà bà X) đã có hành vi lén lút trộm cắp số tiền 200.000 đồng của bà X và 500.000 đồng của bà Phạm Thị L (là mẹ của bà X) nên bà X đã trình báo sự việc trên với Công an phường T, thành phố H. Qua đấu tranh, Hồ Thị Thu H khai nhận: ngày 03/11/2022, H bắt đầu đến nhà bà Lê Thị X để làm giúp việc. Trong khoảng thời gian làm việc tại nhà bà X từ tháng 01/2023 đến tháng 3/2023, H đã lợi dụng sơ hở của bà X trong việc quản lý tài sản nên đã thực hiện các lần trộm cắp tài sản, cụ thể như sau:

- Lần thứ nhất: khoảng tháng 01/2023, trong lúc dọn dẹp nhà bà X, H đã lấy trộm 01 tờ tiền ngoại tệ mệnh giá 100 Đô la Mỹ và 01 tờ tiền ngoại tệ mệnh giá

100 Đô la Singapore được để trong ví da màu đà để tại ngăn tủ giữa trong tủ quần áo tại phòng ngủ của bà X.

- Lần thứ hai: ngày 16/01/2023, tại phòng ngủ nhà bà X, H đã lấy chìa khóa được để trong ví tại ngăn tủ giữa, mở ngăn tủ bên phải lấy 05 chỉ vàng loại miếng (gồm 03 miếng loại 01 chỉ và 01 miếng loại 02 chỉ) được để trong ví da màu xám và 40.000.000 đồng được để trong ví da màu đen đặt ở trong tủ quần áo.

- Lần thứ ba: ngày 20/02/2023, H tiếp tục lấy 3.000.000 đồng được để trong ví da màu đà và 4.500.000 đồng được để trong ví da màu hồng đặt trong tủ quần áo tại phòng ngủ của bà X.

Sau khi trộm cắp số tài sản trên tại nhà bà X, H đã sử dụng số tài sản trộm cắp trên vào những việc cụ thể như sau:

- Hồ Thị Thu H đã mang 05 chỉ vàng loại miếng đến hiệu vàng Dũng để bán 03 miếng vàng loại 01 chỉ được 16.000.000 đồng và đổi 01 miếng vàng loại 02 chỉ thành 02 chiếc nhẫn, mỗi chiếc có trọng lượng 01 chỉ vàng 9999. Sau đó, bà H mang 02 chiếc nhẫn này trả nợ cho anh Hồ Viết N1 01 chiếc nhẫn, chiếc nhẫn còn lại H mang đi bán lại cho hiệu vàng Vân Sung được hơn 5.000.000 đồng.

- Trả cho bà Nguyễn Thị T1 số tiền là 5.000.000 đồng.

- Trả cho bà Trần Thị V2 số tiền là 5.000.000 đồng.

- Trả cho bà Hồ Thị L1 số tiền là 5.600.000 đồng.

- Trả cho bà Dương Thị T2 số tiền là 4.000.000 đồng.

- Trả cho ông Huỳnh Quang H2 số tiền là 2.000.000 đồng.

- Trả cho bà Cao Thị L2 số tiền là 3.500.000 đồng.

- Mua bảo hiểm y tế số tiền là 1.850.000 đồng và trả tiền bảo hiểm nhân thọ Bảo Việt số tiền là 5.412.560 đồng.

- Trả nợ gốc, lãi với tổng số tiền 10.880.658 đồng cho Ngân hàng NN - Chi nhánh huyện T, tỉnh Quảng Nam theo hợp đồng tín dụng được ký kết giữa ông Dương Văn T3 (chồng bà H) và Ngân hàng NN.

Số tiền còn lại H dùng chi tiêu sinh hoạt trong gia đình.

Tại Bản kết luận giám định số 826/KL-KTHS ngày 05/5/2023 của Phân viện Khoa học hình sự tại thành phố Đà Nẵng kết luận: 01 chiếc nhẫn bằng kim loại màu vàng, mặt trong nhẫn có chữ, số “DUNG V.999.9 1C DUNG HA.LAM.T.B” gửi giám định có kim loại vàng (ký hiệu Au) hàm lượng 99,9% và bạc hàm lượng 01,% (ký hiệu Ag); khối lượng mẫu là 3,75 gam.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 39/KL-ĐGTS ngày 05/6/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố H kết luận giá trị thực tế của tài sản như sau: tờ 100 Đô la Mỹ trị giá 2.346.500 đồng, tờ 100 Đô la Singapore trị giá 1.714.700 đồng, 05 chỉ vàng miếng hiệu PNJ trị giá 33.025.000 đồng, 01 chiếc nhẫn bằng kim loại vàng hàm lượng vàng 99,9%, bạc 0,1%, trọng lượng 3,75 gam trị giá 5.310.000 đồng.

Trên cơ sở kết quả định giá tài sản xác định tổng giá trị tài sản mà bị cáo Hồ Thị Thu H đã trộm cắp trong các lần, cụ thể: lần thứ nhất trộm cắp tài sản

với tổng giá trị là 4.061.200 đồng, lần thứ hai trộm cắp tài sản với tổng giá trị là 73.025.000 đồng, lần thứ ba trộm cắp tài sản với tổng số tiền là 7.500.000 đồng.

Như vậy, tổng giá trị tài sản mà bị cáo Hồ Thị Thu H chiếm đoạt trong vụ án này là: 84.586.200 đồng (*Tám mươi tư triệu năm trăm tám mươi sáu ngàn hai trăm đồng*).

Tại bản cáo trạng số 50/CT-VKSHA-HS ngày 24 tháng 10 năm 2023, Viện kiểm sát nhân dân thành phố H, tỉnh Quảng Nam đã truy tố bị cáo Hồ Thị Thu H về tội “*Trộm cắp tài sản*”, theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 (*sửa đổi, bổ sung năm 2017*).

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên thực hành quyền công tố vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo theo như Cáo trạng. Căn cứ vào tính chất, hành vi thực hiện tội phạm, nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ áp dụng đối với bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Hồ Thị Thu H phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”. Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 và Điều 54 Bộ luật Hình sự năm 2015 (*được sửa đổi, bổ sung năm 2017*), xử phạt bị cáo Hồ Thị Thu H từ 09(*chín*) tháng đến 15 (*mười lăm*) tháng tù. Thời hạn tù được tính từ ngày bắt đi thi hành án.

Về án phí: Đề nghị buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Đồng thời, đề nghị Hội đồng xét xử Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 xử lý vật chứng như Cáo trạng đã nêu.

Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo đã tự nguyện bồi thường cho bà Lê Thị X số tiền 40.000.000 đồng, bà X đã nhận 01 chỉ vàng trị giá 5.310.000 đồng. Bà Lê Thị X tiếp tục yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền đã trộm cắp còn lại là 39.276.200 đồng đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

Tại phiên tòa, bị cáo Hồ Thị Thu H thừa nhận hành vi phạm tội của mình và thống nhất với nội dung cáo trạng, rất ăn năn hối lỗi; đồng thời mong Hội đồng xét xử xem xét, giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố H, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố H, tỉnh Quảng Nam và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đều đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Trong quá trình điều tra và truy tố, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hay khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về nội dung: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay, bị cáo Hồ Thị Thu H khai nhận: Trong khoảng thời gian từ tháng 01/2023 đến

tháng 3/2023, tại nhà bà Lê Thị X, Hồ Thị Thu H là người giúp việc, đã lợi dụng sơ hở của chủ nhà trong việc quản lý tài sản thực hiện 03 lần trộm cắp tài sản với tổng giá trị là 84.586.200 đồng.

Lời khai nhận của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Theo kết luận định giá tài sản của Phân Viện khoa học hình sự tại thành phố Đà Nẵng thì tài sản do bị cáo chiếm đoạt từ 100 Đô la Mỹ; từ 100 Đô la Singapore; 05 chỉ vàng miếng hiệu PNJ tại thời điểm bị chiếm đoạt có tổng trị giá 37.086.200 đồng và số tiền 47.500.000 đồng. Như vậy, tổng giá trị tài sản mà bị cáo Hồ Thị Thu H chiếm đoạt trong vụ án trên là: 84.586.200 đồng (*Tám mươi tư triệu năm trăm tám mươi sáu ngàn hai trăm đồng*). Do đó, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ kết luận hành vi của bị cáo Hồ Thị Thu H đã phạm tội: “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 như truy tố của Viện kiểm sát là đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

[3] Xét tính chất và mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội do bị cáo gây ra, Hội đồng xét xử thấy rằng: Bị cáo Hồ Thị Thu H nhận thức được hành vi trộm cắp tài sản của người khác là vi phạm pháp luật. Song, do bản tính tham lam muốn có tiền trả nợ và tiêu xài mà không phải mất công lao động, bị cáo đã bất chấp pháp luật thực hiện hành vi trộm cắp tài sản. Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội nên cần được xử lý nghiêm minh trước pháp luật nhằm đảm bảo tính giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

[4] Xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo thì thấy:

- Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo thực hiện 03 lần trộm cắp tài sản nên phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “*Phạm tội 02 lần trở lên*” được quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015 (*được sửa đổi, bổ sung năm 2017*).

- Về tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra, truy tố bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; bị cáo đã thực hiện bồi thường thiệt hại số tiền 40.000.000 đồng cho bị hại; bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (*được sửa đổi, bổ sung năm 2017*). Do bị cáo có nhân thân tốt, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, hoàn cảnh gia đình khó khăn, bị cáo cũng đã nhận thức về hành vi sai trái của mình, nên Hội đồng xét xử xét thấy cần áp dụng khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự để xem xét mức án dưới mức thấp nhất của khung hình phạt thể hiện sự khoan hồng của pháp luật.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Bà Lê Thị X không yêu cầu những Người có quyền lợi liên quan đến vụ án đã có giao dịch với bị cáo phải trả lại số tiền mà đã tự thỏa thuận và chỉ yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 84.586.200 đồng, bị cáo đã bồi thường 40.000.000 đồng, bà X đã nhận 01 chỉ vàng trị giá 5.310.000

đồng. Số tiền còn lại 39.276.200 đồng bị cáo chấp nhận tiếp tục bồi thường cho bà Lê Thị X. Hội đồng xét xử thấy phù hợp nên chấp nhận.

[6] Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 (*được sửa đổi, bổ sung năm 2017*), Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015.

- 01 USB có chứa 02 file video ghi lại việc bà Hồ Thị Thu H thực hiện hành vi trộm cắp tài sản tại nhà bà Lê Thị X. Hội đồng xét xử thấy đây là tài liệu liên quan đến vụ án nên cần tiếp tục lưu tại hồ sơ vụ án.

- Hội đồng xét xử, xét trong quá trình điều tra, Cơ quan CSĐT Công an thành phố H ra Quyết định xử lý vật chứng số 23/QĐ-CQCSĐT ngày 30/8/2023 trả lại số tiền 700.000 đồng (trong đó: bà Lê Thị X số tiền 200.000 đồng và bà Phạm Thị L số tiền 500.000 đồng); trả lại 01 chiếc nhẫn vàng bên trong có khắc chữ “DUNG V.999.9 1C DUNG HA.LAM.T.B” cho các chủ sở hữu là có căn cứ, đúng pháp luật nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí: Bị cáo Hồ Thị Thu H phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[8] Những vấn đề có liên quan đến vụ án:

- Đối với hành vi trộm cắp số tiền 700.000 đồng vào ngày 07/3/2023 của Hồ Thị Thu H, gồm 200.000 đồng được để trong phong bì màu đỏ đặt trong túi xách màu da để trên giường ngủ của bà X và 500.000 đồng của bà Phạm Thị L trong giỏ xách để tại bàn ăn phòng bếp nhà bà X. Thấy rằng, lần trộm cắp tài sản này có tổng giá trị dưới 2.000.000 đồng, bà Hồ Thị Thu H không có tiền án, tiền sự nên không đủ cấu thành tội “*Trộm cắp tài sản*” quy định tại Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015. Cơ quan CSĐT Công an thành phố H đã chuyển Công an thành phố H xử phạt vi phạm hành chính theo thẩm quyền. Ngày 05/10/2023, Công an thành phố H đã ra Quyết định số 143/QĐ-XPHC xử phạt vi phạm hành chính đối với hành vi nêu trên của Hồ Thị Thu H theo Nghị định 144/2021/NĐ-CP là đúng pháp luật.

- Đối với các ông Nguyễn Văn V1 (chủ tiệm vàng Dũng), ông Huỳnh Quang H2, ông Hồ Viết N1, bà Dương Thị Thu V1 (chủ tiệm vàng Vân Sung), bà Nguyễn Thị T1, bà Trần Thị V2, bà Hồ Thị L2, bà Dương Thị T2, bà Cao Thị L2 là những người đã được Hồ Thị Thu H đến bán vàng và trả nợ nhưng những người này hoàn toàn không biết số vàng và số tiền trả nợ do bà H trộm cắp tài sản mà có cũng như việc bà H đã sử dụng số tiền đã trộm cắp để mua bảo hiểm y tế, đóng bảo hiểm Công ty Bảo Việt, trả nợ vay Ngân hàng NN và chi phí sinh hoạt gia đình thì các tổ chức này và ông Dương Văn T3 là chồng bà H cũng không biết khoản tiền này do trộm cắp tài sản mà có nên Cơ quan CSĐT Công an thành phố H không xử lý là phù hợp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Bị cáo Hồ Thị Thu H phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”

- Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 và khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017), xử phạt bị cáo Hồ Thị Thu H 09 (chín) tháng tù. Thời hạn tính từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án.

- Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự; Điều 584, Điều 586, Điều 589 Bộ luật Dân sự năm 2015. Buộc bị cáo Hồ Thị Thu H phải tiếp tục bồi thường cho bà Lê Thị X số tiền 39.276.200 đồng (Ba mươi chín triệu hai trăm bảy mươi sáu ngàn hai trăm đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả những khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017), Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015: Tiếp tục lưu tại hồ sơ vụ án 01 USB có chứa 02 file video.

- Về án phí: Áp dụng các Điều 135, Điều 136 Bộ luật tố tụng Hình sự năm 2015, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Hồ Thị Thu H phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 1.963.800 đồng (Một triệu chín trăm sáu mươi ba ngàn tám trăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Bị cáo, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (28/11/2023). Bị hại và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hạn thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Nam;
- VKSND tỉnh Quảng Nam;
- VKSND thành phố Hội An;
- Công an thành phố Hội An;
- Sở tư pháp tỉnh Quảng Nam;
- Chi cục THA DS thành phố Hội An;
- Thành phần tham gia tố tụng;
- Lưu HS, án văn.

(đã ký)

Nguyễn Hùng